

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

**Phiếu An Toàn Hóa Chất
SODIUM SULPHITE**

Số CAS: 7757-83-7

Số UN:

Số đăng ký EC: 231-821-4

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất:	Sodium sulfite
Tên thương mại :	Sodium sulfite
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	Aditya Birla Chemical (Thailand) Ltd
Mục đích sử dụng:	dùng trong công nghiệp

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần hóa chất	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Sulphite	7757-83-7	Na ₂ SO ₃	99%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (Theo số liệu có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS: chưa phân loại

Theo HMIS (Mỹ):

- Sức khỏe : 2

- Dễ cháy : 0

- Phản ứng : 0

- Bảo vệ cá nhân: E

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Hình đồ cảnh báo: không có

- Từ cảnh báo: không có

- **Cảnh báo nguy hiểm:**

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Chất rắn , không dễ cháy

- Có hại nếu nuốt phải, gây bỏng da nặng và tổn thương mắt, độc nếu hít phải, ăn mòn đường hô hấp.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tuân thủ luật PCCC và mang đầy đủ đồ Bảo hộ lao động.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: ít nguy hại

- Đường thở: ít nguy hại

- Đường da : ít nguy hại

- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa

- Đường tiết sữa: Phụ nữ mang thai và có con nhỏ hạn chế tiếp xúc

Sodium sulfite có thể gây độc hệ thần kinh ngoại biên, hệ thần kinh trung ương. Tiếp xúc lâu dài và lặp lại nhiều lần hóa chất này có thể làm tổn hại đến các cơ quan trong cơ thể.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gặp bác sĩ chuyên khoa.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa bằng xà phòng và nước , xoa vùng da bị nhiễm bằng thuốc làm mềm , có thể sử dụng nước lạnh. Cởi bỏ quần áo, giày dép bị nhiễm, giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại. Gọi trợ giúp y tế nếu có những kích ứng phát triển.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải thực hiện hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Gọi sự trợ giúp của y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Nếu nuốt phải không được để nạn nhân nôn mửa, trừ khi được phép bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ thứ gì vô miệng khi nạn nhân bất tỉnh. Nếu nuốt số lượng lớn cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo ,cô áo, cà vạt, thắt lưng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: chất rắn không dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không có

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: không có

Rủi ro của vụ nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của các tác động cơ học: Không.

Rủi ro của vụ nổ của sản phẩm trong sự hiện diện của phóng tĩnh: Không.

Hơi nổ trong sự hiện diện của nhiệt.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Chưa có thông tin.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Chưa có thông tin.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ:

* Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm cháy: Không có sẵn

* Nhận xét đặc biệt về mối nguy hiểm nổ : Không có sẵn.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng các công cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rơi vào trong một thùng chứa chất thải . Lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng một cái xẻng để đưa hóa chất đổ rơi vào thùng chứa chất thải. Kết thúc làm sạch bằng cách lau nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và cho phép sơ tán thông qua hệ thống cống.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Thận trọng không hít bụi của chất này, không bao giờ thêm nước vào chất này, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp với đường hô hấp. Đừng hít thở khí/khói/hoi của chất này phun ra. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc. Cần trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cần thiết.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt. Sử dụng kệ hoặc tủ vững chắc, đủ để chịu trọng lượng của các hóa chất. Hãy chắc chắn rằng kệ không quá tải. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa cặn và hơi. Tránh xa các chất như là chất ôxi hóa, kim loại, axit, kiềm, độ ẩm. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng các chất dễ gây ra phản ứng cháy nổ như đã nêu trên. Cần trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cần thiết. Bảo quản ở nhiệt độ 5°C đến 30°C

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Cung cấp hệ thống thông gió thoát hơi hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí dưới ngưỡng cho phép.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: mang kính , mặt nạ chống độc
- Bảo vệ thân thể: quần áo chống hóa chất
- Bảo vệ tay: mang găng tay thích hợp
- Bảo vệ chân : mang ủng (giày bảo vệ chân)

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mag đầy đủ BHLĐ

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): tắm rửa sạch sẽ sau khi tiếp xúc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn	Áp suất bay hơi: không có giá trị
Mùi: sulfur.	Tỉ trọng bay hơi: không có giá trị.
Vị: sulfur, mặn.	Sự bay hơi: không có giá trị.
Màu: trắng hay nâu vàng tới hơi vàng.	Ngưỡng mùi: không có giá trị
Khối lượng phân tử: 126,04 (g/mole).	Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị.
pH (1% dung môi/nước): 8,8 -10 (50 g /l, H ₂ O, ở 20°C)	Ionicity (trong nước): không có giá trị.
Điểm sôi: không có giá trị.	Tính chất phân tán: hòa tan trong nước.
Điểm tan chảy: > 500°C	Sự hòa tan: 220 g/l ,hòa tan trong nước lạnh,
Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị	nước nóng. Hòa tan trong glycerol, hầu như
Khối lượng riêng: 1480kg/m ³	không hòa tan trong alcohol.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định:** hóa chất ổn định.
- **Nhiệt độ gây không ổn định:** không có giá trị.
- **Những điều kiện gây không ổn định:** các hóa chất không tương thích, không khí, độ ẩm, bụi.

- **Những hóa chất không tương thích:** phản ứng với chất oxi hóa, chất dễ cháy, chất hữu cơ, Axít
- **Tính ăn mòn:** ăn mòn sluminum, kẽm, đồng, ít ăn mòn thép.
- **Poly hóa:** không có giá trị.
- **Lưu ý về phản ứng:** nhạy không khí, độ ẩm, cần đóng chặt nắp. Khi nung hóa chất tới nhiệt độ phân hủy sẽ tạo ra khí Na₂O và SOX.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium sulfite	LD ₅₀	2610 mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...):

Gây ung thư: cấp 3 (trên động vật không trên con người) bởi IARC.

Gây đột biến gen: gây đột biến gen trên tế bào somatic ở động vật có vú, đột biến gen cho vi khuẩn hay vi nấm.

Gây quái thai: không có giá trị.

2. Các ảnh hưởng độc khác:

Da: gây kích ứng.

Mắt: bụi có thể gây kích ứng.

Hít phải: bụi có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp và màng nhày. Gây sưng phồng ở lưỡi, bronchospasm, gây co thắt phế quản, toát mồ hôi, huyết áp thấp, tim đập nhanh và tăng tính miễn cảm đối với những người nhạy cảm với sulfite.

Tiêu hóa: gây kích ứng tiêu hóa. Triệu chứng gồm từ đau bụng và buồn nôn, nôn ói và tiêu chảy. Có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh vận động và trung ương, hệ hô hấp, hệ tim mạch.

Sodium sulfite có thể giải phóng axit sulfurous gây phồng ở lưỡi và các triệu chứng tương tự

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- **Độc tính sinh thái:** không có giá trị.

- **BOD₅ và COD:** không có giá trị.

- **Sản phẩm phân hủy sinh học:** những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.

Độc tính sản phẩm phân hủy: ít độc hại hơn chất gốc.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. **Thông tin quy định tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.

2. **Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** chưa có thông tin.

3. **Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm.

4. **Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** chưa có thông tin.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên qui định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Qui cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt	Chưa có thông	Sodium Sulfite	Chưa có thông tin	PG II	Chưa có thông tin	

<p>Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p>	tin					
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...</p>	Chưa có thông tin	Sodium Sulfite	Chưa có thông tin	PGII	Chưa có thông tin	

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: chưa có thông tin.
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất : hóa chất khai báo nhập khẩu, hóa chất thuộc danh mục kinh doanh sản xuất có điều kiện
 - Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu: 01/10/2017.

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

